

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18-10-2018

V/v: “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Báu.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Tính;

2. Ông Păng Ting Nock.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tài – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Ông K'Mích – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 411/2018/TLST-HNGĐ ngày 21/6/2018 về việc tranh chấp “*Xin ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thùy T**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ P, xã T, thành phố Đ.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Ngọc C**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ A, xã X, thành phố Đ.

(Bà T có mặt, ông C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, thành phố Đ vào ngày 03/01/2006. Hôn nhân tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại địa chỉ: Tổ A, xã X, thành phố Đ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C không lo làm ăn, ham chơi cờ bạc và

thường xuyên rượu chè. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2017. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Ngọc C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 20/02/2007 và cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 09/4/2011. Hiện cháu T đang sống cùng bà T, cháu K đang sống cùng ông C. Khi ly hôn bà T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành và đề nghị Tòa án giao con chung là cháu K cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Vợ chồng không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Tòa án nhân dân thành phố Đ đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng bị đơn là ông Nguyễn Ngọc C không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình; cũng không đến Tòa án nhân dân thành phố Đ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; riêng bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định; về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn giao cháu K cho ông C trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T có mặt; Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Trên cơ sở trích lục kết hôn số 298/TLKH-BS ngày 13/12/2017 của Ủy ban nhân dân xã X, thành phố Đ thì ông Nguyễn Ngọc C và bà Nguyễn Thị Thùy T có đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 01 năm 2006 tại UBND xã

Xuân Trường, thành phố Đ. Hôn nhân tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, hiện nay ông C cư trú tại: A, xã X, thành phố Đ nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông C, đây là quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn” theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc là do do ông C không lo làm ăn, ham chơi cờ bạc và thường xuyên rượu chè. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2017. Xét thấy trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử thì ông C cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với các nguyên nhân mâu thuẫn mà bà T đưa là thể hiện việc không thiện chí hàn gắn. Mặt khác việc bà T và ông C ly thân một thời gian dài làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông C là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 20/02/2007 và cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 09/4/2011.

Hiện cháu T đang sống cùng bà T và cháu T cũng có nguyện vọng ở cùng bà T nên giao cháu T cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp; cháu K đang sống cùng ông C và cháu K cũng có nguyện vọng ở cùng ông C nên giao cháu K cho ông C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và ông C cũng không ý kiến và mỗi bên nuôi 01 con chung nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] *Về tài sản chung:* Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông C không có ý kiến nên không xem xét giải quyết

[6] *Về nợ chung:* Bà T xác định không có, ông C không có ý kiến nên không xem xét giải quyết.

[7] *Về án phí:* Bà T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 39, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T về việc “Xin ly hôn” ông Nguyễn Ngọc C

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Ngọc C được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 20/02/2007 cho bà Nguyễn Thị Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 09/4/2011 cho ông Nguyễn Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà T và ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0008193 ngày 21/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (bà T đã nộp đủ).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án (hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp Đ;
- Chi cục THADS Tp Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Bộ phận Dân sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Báu